

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới  
xã Song An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 3570/QĐ-UBND ngày 30/9/2011 của UBND thị xã về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Song An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2011- 2020;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của UBND thị xã về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Song An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai đến năm 2020;

Xét Tờ trình số:43a/TTr-UBND ngày 15/10/2018 của UBND xã Song An về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt Điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Song An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm định số: 401/BCTĐ-PQLĐT ngày 12/11/2018 của phòng Quản lý đô thị Điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Song An,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Song An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai, với nội dung như sau:

**I. Tên quy hoạch:** Điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Song An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai đến năm 2020.

**II. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô quy hoạch:**

- Ranh giới điều chỉnh quy hoạch: Xã Song An nằm khu vực phía Đông Bắc cách thị xã An Khê khoảng 8km. Có giới cận như sau:

+ Phía Đông giáp: huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

+ Phía Tây giáp: phường Ngô Mây, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

+ Phía Nam giáp: xã Ya Hội, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai.

+ Phía Bắc giáp: phường An Phước và xã Cửu An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

- Dân số: 5.275 người, 1.216 hộ.
- Đất đai: 4.417,07 ha.
- Thời hạn điều chỉnh Quy hoạch: Từ năm 2017-2020. Tầm nhìn sau năm 2020.

### III. Mục tiêu:

- Hình thành một mô hình về QHXD nông thôn mới mang đặc trưng của vùng.
- Cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế xã hội trong lĩnh vực xây dựng nông thôn mới.
- QHXD phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế nông thôn của xã Song An, góp phần ổn định đời sống dân cư, tạo việc làm và đảm bảo thu nhập cho dân cư nông thôn.
- Quy hoạch mạng lưới điểm dân cư phù hợp với các yếu tố về an ninh quốc phòng, theo hướng văn minh hiện đại và đồng bộ với hệ thống hạ tầng cơ sở.
- Làm cơ sở pháp lý để quản lý và hướng dẫn xây dựng theo quy hoạch.

### IV. Tính chất:

- Là xã sản xuất nông nghiệp, thuộc khu vực miền núi của thị xã An Khê, trọng điểm là trồng cây hàng năm, lúa và cây nguyên liệu.

### V. Quy mô dân số, lao động, đất đai

#### 1. Dự báo dân số, lao động

##### 1.1. Dự báo dân số toàn xã đến năm 2020

TT	Đơn vị (thôn, làng)	Năm 2017			Năm 2020		
		Phát triển đất dân cư	Số khẩu	Số hộ	Phát triển đất dân cư	Số khẩu	Số hộ
		(ha)	(người)	(hộ)	(ha)	(người)	(hộ)
1	Thôn Thượng An 1	0,88	884	205	1,2	938	223
2	Thôn Thượng An 2	0,70	669	162	1,76	710	176
3	Thôn Thượng An 3	0,96	1.018	238	0,8	1.080	259
4	Thôn An Thượng 2	1,20	1.235	278	1,36	1.312	304
5	Thôn An Thượng 3	1,21	1.148	267	1,48	1.220	291
6	Làng Pốt	0,22	321	66	0,24	340	72
<b>Tổng cộng</b>		<b>5,17</b>	<b>5.275</b>	<b>1.216</b>	<b>6,84</b>	<b>5.600</b>	<b>1.325</b>

##### 1.2. Dự báo lao động toàn xã

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2020
I	Dân số	Người	5.275	5.600
II	Lao động	Người	3.380	3.449
	Nông nghiệp		1.825	1.845
	CN-TTCN		709	729
	TM- DV		845	875

#### 2. Dự báo đất đai xây dựng

Tổng diện tích đất ở hiện trạng năm 2017 là: 65,48 ha.

Đến năm 2020: diện tích đất ở tăng thêm 6,84 ha phục vụ cho 177 hộ.

### V. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

*Bảng tổng hợp các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật*

TT	Mục tiêu của tiêu chí	Chỉ tiêu kỹ thuật	Ghi chú
1	Trụ sở xã	Diện tích đất: 3000-4000m <sup>2</sup> ; Tầng cao: 2-3 tầng	
2	Nhà văn hóa xã	Diện tích đất: 2000-3000m <sup>2</sup>	
3	Nhà văn hóa thôn	Diện tích đất tối thiểu 200m <sup>2</sup>	
4	Trường mầm non	Diện tích đất tối thiểu: 10m <sup>2</sup> /cháu Diện tích đất tối đa: 18m <sup>2</sup> /cháu	Bố trí thành các điểm Trường
5	Trường tiểu học	Diện tích đất tối thiểu: 10m <sup>2</sup> /cháu Diện tích đất tối đa: 18m <sup>2</sup> /cháu Tầng cao: 1-2 tầng Bán kính phục vụ tối đa: 1,5km	
6	Trường TH cơ sở	Diện tích đất tối thiểu: 10m <sup>2</sup> /cháu Diện tích đất tối đa: 18m <sup>2</sup> /cháu Tầng cao: 2 tầng Bán kính phục vụ tối đa: 1,5km	
7	Trạm y tế	Diện tích đất: 1000-1500m <sup>2</sup> ; Tầng cao: 2 tầng	
8	Sân bãi thể thao	Diện tích đất: 8000-12000m <sup>2</sup> ; Chỉ tiêu đất: 2-3m <sup>2</sup> /người	
9	Chợ	Diện tích đất: 2000-3000m <sup>2</sup> ;	
10	Cửa hàng dịch vụ trung tâm thương mại	Diện tích đất: 1000- 1500m <sup>2</sup> Tầng cao trung bình: 2 tầng	
11	Nghĩa trang	Giai đoạn trước mắt: 1-3 NT/xã Giai đoạn lâu dài: 2-3 xã/NT Bán kính phục vụ: khoảng 3km	Cách khu dân cư tối thiểu 500m
12	Khu chôn lấp rác thải	Giai đoạn trước mắt: 1 khu/xã Giai đoạn lâu dài: 3-5 khu/ xã	Cách khu dân cư tối thiểu 500m
13	Cây xanh công cộng	Chỉ tiêu đất tối thiểu: 2m <sup>2</sup> /người	
14	Đường quốc lộ, tỉnh lộ đi qua xã	Lòng đường rộng 12m Hành lang mỗi bên 15m	Nếu quy hoạch khu dân cư mới hoặc cụm CN, TTCN thì phải XD đường gom
15	Đường huyện đi qua khu dân c xã	Lòng đường rộng tối thiểu 6-7m Vĩa hè mỗi bên tối thiểu 3m	
16	Đường trục xã	Lòng đường rộng tối thiểu 5-6m Vĩa hè mỗi bên tối thiểu 2m	
17	Đường trục thôn	Lòng đường rộng tối thiểu 4-5m Vĩa hè mỗi bên tối thiểu 1-2m	
18	Đường ngõ xóm	Lòng đường rộng tối thiểu 3,5-4m	
19	Bờ vùng	Bề rộng 3,5-4m	(giao thông chính nội đồng)
20	Bờ thửa	Bề rộng 1,5m	
21	Cấp nước	Chỉ tiêu cấp nước: 100 lít/người/ngày đêm	
22	Thoát nước	Có hệ thống thoát nước thu gom được tối thiểu 80% lượng nước cấp.	
23	Cấp điện	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt tối thiểu 200kwh/người/năm Phụ tải >=150W/người Chỉ tiêu cấp điện cho công trình công cộng tối thiểu là 15% điện sinh hoạt	

## **VI. Quy hoạch định hướng phát triển không gian xã:**

### **1. Quy hoạch sản xuất:**

#### **1.1. Sản xuất nông nghiệp**

- Phát triển nông nghiệp theo hướng đa dạng hoá sản phẩm, tăng sản phẩm hàng hoá trao đổi và xuất khẩu, phù hợp với lợi thế sản xuất và nhu cầu thị trường. Đảm bảo nhu cầu chính yếu cho đời sống (an toàn lương thực - thực phẩm) và làm nguyên liệu cho tiểu thủ công nghiệp của địa phương phát triển.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, có hiệu quả kinh tế cao như: Đẩy mạnh công tác đưa lao động đi đào tạo nghề để chuyển dần lao động qua các lĩnh vực khác như công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Xây dựng vùng nguyên liệu năng suất cao, bền vững; hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh có quy mô lớn.

- Đưa các giống cây trồng mới có giá trị kinh tế cao, thị trường tiêu thụ ổn định trồng thử nghiệm, nếu thành công sẽ phát triển đại trà đầu tư khoa học - kỹ thuật, thâm canh tăng năng suất, chất lượng và giá thành hạ; tạo sức cạnh tranh cao trên thị trường.

#### **1.2. Chăn nuôi- thủy sản**

##### *\* Chăn nuôi*

- Khuyến khích nhân dân phát triển chăn nuôi, đặc biệt phát triển nuôi thủy sản cá nước ngọt, nuôi bò, trâu, nuôi heo, nuôi dê, nuôi gia cầm theo hướng bán công nghiệp (mô hình chăn nuôi trang trại), tiếp tục phát triển đàn bò thịt và thay thế dần giống bò địa phương bằng các giống bò lai tạo có năng suất cao.

- Tận dụng các diện tích đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư, những diện tích đất nông nghiệp nhỏ ở bìa rừng... để trồng cỏ tạo thêm nguồn thức ăn cho chăn nuôi đại gia súc. Nâng cao thể trọng và chất lượng đàn gia súc, gia cầm thông qua công tác lai tạo và lựa chọn giống.

- Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, đặc biệt chú ý đến bệnh lở mồm long móng, bệnh tụ huyết cầu, dịch tai xanh, dịch cúm... là những loại dịch bệnh gây tác hại rất lớn đến các đàn gia súc, gia cầm sớm được thanh toán. Phấn đấu hàng năm 100% đàn lợn, đàn trâu bò được tiêm phòng theo quy định.

##### *\* Thủy sản*

- Khai thác có hiệu quả công trình thủy lợi để mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản, tận dụng nguồn tài nguyên đất đai, điều kiện khí hậu thời tiết để phát triển ngành.

- Cải tạo toàn bộ diện tích mặt nước các hồ chứa thủy lợi, đập và vận dụng đất thấp ven suối, hợp thủy, kênh mương xây dựng ao nuôi thủy sản, với các loài có giá trị kinh tế cao như: lươn, ếch, ba ba,... Đáp ứng nhu cầu làm hàng hóa trong vùng, tăng thu nhập cho hộ gia đình, khuyến khích nhân dân phát triển nghề nuôi cá nước ngọt...

#### **1.3. Quy hoạch sản xuất TTCN, ngành nghề, thương mại dịch vụ**

Đẩy mạnh phát triển các ngành nghề có nguồn nguyên liệu tại chỗ, có truyền thống địa phương như: Chế biến nông sản (xay sát, chế biến thực phẩm), nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống tại chỗ và làm hàng hóa.

Tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở sản xuất, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ hoạt động trên địa bàn xã, nhằm tạo việc làm, tiêu thụ sản phẩm địa phương, chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế của xã ngày càng phát triển theo hướng CNH - HĐH.

### **2. Mạng lưới điểm dân cư nông thôn:**

Xã hiện có 5 thôn và 01 làng. Định hướng phát triển dân cư từ 1.216 hộ lên 1.325 hộ vào năm 2020. Sẽ lấy một phần diện tích đất nông nghiệp chuyển đổi thành đất dân cư.

Định hướng không gian điểm dân cư:

\* *Điểm dân cư trung tâm xã* :

- Là trung tâm hành chính, công cộng, y tế, văn hoá, giáo dục của xã.
- Là điểm dân cư dịch vụ thương mại là chủ yếu...
- Phát triển không gian tập trung.
- Quản lý xây dựng theo khung quy định, xây dựng hình ảnh khu trung tâm tiếp cận với không gian đô thị.

- Hạn chế chăn nuôi tại hộ gia đình

- Diện tích lô đất ở dự kiến khoảng 400m<sup>2</sup>/hộ -800m<sup>2</sup>/hộ

- Mật độ xây dựng trong lô đất ở: 40%

\* *Điểm dân cư tại thôn*:

- Các điểm dân cư tại các thôn chủ yếu sản xuất nông nghiệp bố cục chủ yếu theo dạng tuyến dọc theo các trục đường liên thôn, đường sản xuất, chủ yếu là các thôn tập trung.

- Xây dựng hình ảnh nông thôn mới văn minh, hiện đại. Môi trường trong sạch.

- Mật độ xây dựng trong lô đất ở: 30%.

### 3. Quy hoạch sử dụng đất

Quy hoạch sử dụng đất toàn xã đến năm 2020

STT	Tên loại đất	Ký hiệu	Hiện trạng năm 2017		Quy hoạch năm 2020	Tăng/giảm
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	
	Tổng diện tích tự nhiên		4417,1	100	4417,07	0
<b>1</b>	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>4178</b>	<b>94,6</b>	<b>4092,21</b>	<b>-85,78</b>
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	1495,4	33,9	1434,64	-60,78
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	1155,5	26,2	1111,05	-44,44
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	339,93	7,7	323,59	-16,34
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	2670,3	60,5	2645,3	-25
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	2494,4	56,5	2414,37	-25
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	175,93	3,98	175,93	0
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD				0
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	12,27	0,28	12,27	0
1.4	Đất làm muối	LMU				0
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH				0
<b>2</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>228,54</b>	<b>5,18</b>	<b>314,32</b>	<b>85,78</b>
2.1	Đất ở	OCT	65,48	1,48	72,32	6,84
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	65,48	1,48	72,32	6,84
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT				0
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	120,74	2,74	197,68	76,94
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,5	0,01	0,5	0

2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	48,16	1,09	73,16	25
2.2.3	Đất an ninh	CAN				0
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	3,89	0,09	5,58	1,69
	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo (mở rộng trường Mẫu giáo)	DGD			0,19	0,19
	Đất xây dựng TT TDTT xã	DTT			1,5	1,5
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	14,02	0,32	23,6	9,58
	Đất sử dụng cho khoáng sản	SKS			6,58	6,58
	Khu chăn nuôi tập trung	SKC			3	3
2.2.6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	54,17	1,23	94,84	40,67
	Đất giao thông (đường tránh)	DGT	51,56		55,73	4,17
	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			35	35
	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV			1,5	1,5
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	1,83	0,04	1,83	0
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,32	0,01	0,32	0
2.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	2,88	0,07	4,88	2
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	25,15	0,57	25,15	0
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	12,14	0,27	12,14	0
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				0
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	10,52	0,24	10,52	0
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS				0
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	10,52	0,24	10,52	0
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS				0

## VII. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

### 1. San nền, thoát nước mưa:

- *Giải pháp san nền*: San lấp cục bộ khu vực xây dựng công trình, các khu vực khác giữ nguyên địa hình hiện trạng.

- *Giải pháp thoát nước mưa*: Khu vực thoát nước chính ( Như bản vẽ).

+ Chọn chủng loại rãnh thoát nước dạng hở xây dựng ven các trục đường giao thông, thiết diện hình thang, kết cấu xây gạch đá.

+ Các tuyến công chính dùng chủng loại cống hộp BTCT hoặc xây đá có nắp đan BTCT. Các tuyến công trong thôn xây đá chẻ có nắp đan BTCT. Các cống qua đường sử dụng cống tròn hoặc cống bản (BTCT).

+ Khu vực trung tâm xã và tiểu thủ công nghiệp chọn chủng loại cống hộp, thiết diện 400x600-800x1000 độ dốc dọc công  $i = 0,3\%$  (đảm bảo:  $I_{min} > 1/D$ ).

+ Trục tiêu chính là các suối khe lớn trong khu vực.

### 2. Giao thông

- Nâng cấp, sửa chữa các tuyến giao thông liên xã, liên thôn và đường nội bộ khu dân cư. Đường liên xã đạt tiêu chuẩn cấp V miền núi, mặt láng nhựa, cầu cống

vĩnh cửu. Đường liên thôn đạt tiêu chuẩn cấp VI miền núi, mặt BTXM hoặc láng nhựa. Quy hoạch hệ thống đường trục chính ra khu sản xuất phù hợp với yêu cầu cơ giới hóa. Nâng cấp và xây dựng các tuyến đường trục chính ra khu sản xuất đạt tiêu chuẩn đường loại A nông thôn, rộng 6m trải cấp phối cứng đáp ứng yêu cầu vận chuyển cơ giới.

- Xây dựng tuyến đường tránh thị xã An Khê trên địa bàn xã Song An, chiều dài 2,8km, diện tích dự kiến thu hồi 4,17ha, quy mô đầu tư đường cấp III, chiều rộng mặt đường là 11m, chiều rộng nền đường 12m.

**Bảng tổng hợp đường giao thông cần đầu tư đến năm 2020**

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Đơn vị tính	Quy mô đầu tư
			(Km)	
<b>I</b>	<b>Công trình giao thông thôn liên thôn</b>			
1	Đường từ nhà Nguyễn Bá Hồng → Nhà Nguyễn Thị Suong	AT2	0,254	Nền đường, mặt đường BTXM 3m, hệ thống thoát nước
2	Đường từ nhà Diệp Ngọc Tuấn → Nhà Nguyễn Văn Mạnh	AT3	0,16	Nền đường, mặt đường BTXM 3m, hệ thống thoát nước
<b>II</b>	<b>Công trình giao thông xóm. ngõ</b>			
1	Đường từ nhà Nguyễn Thanh Hay → nhà Đặng Ngọc Mai (đường bên Miếu Xà)	TA2	0,1	Nền đường, mặt đường BTXM 3m, hệ thống thoát nước
2	Đường bên trạm xăng dầu Nguyễn Huệ	TA2	0,1	Nền đường, mặt đường BTXM 3m, hệ thống thoát nước
<b>III</b>	<b>Đường nội đồng</b>			
1	Đường từ ngã ba đi Hồ Hòn Cỏ đến Hồ Hòn Cỏ	TA2	0,935	Nền đường, mặt đường BTXM 3m, hệ thống thoát nước
2	Đường đi Đập Đất Khách đoạn ngầm tràn đến hết đường (đi qua trại Lê Minh Chánh)	AT3	1,5	Nền đường rộng 6m, cấp phối đất đồi, hệ thống thoát nước
<b>IV</b>	<b>Cầu cống dân sinh</b>			
1	Ngầm tràn đường đi Bầu Ấu	TA3	0,06	Ngầm và đường BTXM hai đầu ngầm, L=60m, Bm=5m
<b>V</b>	Sửa chữa các tuyến đường bê tông xi măng, cống rãnh, hệ thống thoát nước trên địa bàn			
<b>TỔNG SỐ</b>			<b>3,009</b>	

### 3. Về thủy lợi

Tiến hành nâng cấp kiên cố các công trình đầu mối, kênh mương, bổ sung làm mới kênh mương nội đồng và nạo vét lòng hồ, nâng cấp gia cố bờ đập (nhu cầu đến năm 2020 là 10 hạng mục công trình, sau năm 2020 là 11 hạng mục).

### 4. Điện

Đầu tư cải tạo nâng cấp 01 trạm biến áp 0,9 km đường dây hạ thế. Đầu tư xây dựng mới 03 trạm biến áp 0,94 km đường dây trung và cao thế 6,433 km đường dây hạ

thể, nâng tổng dung lượng lên thêm 360KVA.

*\* Lưới điện chiếu sáng*

Để hệ thống điện ngày càng được hoàn thiện, cần thực hiện lắp đặt hệ thống điện đường chiếu sáng trên toàn trục đường quốc lộ 19 để đảm bảo việc đi lại của nhân dân an toàn, thuận tiện. Tuyến chiếu sáng bố trí đi chung cột với tuyến điện hạ thế cấp điện cho từng cụm dân cư.

### 5. Trường học

Đầu tư nâng cấp các trường đạt chuẩn, bổ sung các hạng mục còn thiếu: công trình phụ trợ trường học, cải tạo cơ sở vật chất trường học... Cũng như xây dựng các tiêu chí bổ sung trường chuẩn quốc gia.

**Bảng tổng hợp nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở vật chất giáo dục**

STT	Đơn vị đầu tư	Quy mô thực hiện	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)
1	Trường THCS Mai Xuân Thưởng	2 tầng. DTXD 395m <sup>2</sup> . DTSD: 733m <sup>2</sup>	4000,0
2	Trường Mẫu giáo Hoa Mai	- Thu hồi 0,19ha đất trồng cây lâu năm chuyển mục đích sử dụng sang đất giáo dục - Xây dựng mới phòng bảo vệ, khu vệ sinh, khu để xe cho CB, GV, NV; 02 bộ thiết bị dùng chung cho trẻ, 05 đầu đĩa, 01 đàn organ, 15 bộ bàn ghế phòng hội đồng.	950
3	Trường Tiểu học Trần Phú	Sửa chữa các phòng học đã xuống cấp	100
<b>TỔNG</b>			<b>5.050,0</b>

### 6. Văn hóa – thể thao

Đề xuất nâng cấp những hạng mục nhà văn hóa ở những thôn đang có cho đạt chuẩn. Quy hoạch xây dựng mới trung tâm văn hóa thể thao xã tại thôn An Thượng 3, diện tích 1,5ha; có điểm vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi.

**7. Thông tin và truyền thông** - Nâng cấp, sửa chữa Bưu điện văn hóa xã, đầu tư trang thiết bị đảm bảo tiêu chí đạt chuẩn quốc gia. Khuyến khích phát triển các điểm kinh doanh dịch vụ Internet tại các thôn.

- Xây dựng Đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

### 8. Giáo dục

Đầu tư nâng cấp các trường đạt chuẩn, bổ sung các hạng mục còn thiếu: công trình phụ trợ trường học, cải tạo cơ sở vật chất trường học... Cũng như xây dựng các tiêu chí bổ sung trường chuẩn quốc gia.

### 9. Y tế

Tăng cường đầu tư cơ sở, trang thiết bị y tế, nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu; thực hiện tốt tiêu chí quốc gia về y tế. Đẩy mạnh công tác truyền thông - giáo dục sức khỏe. Tiếp tục vận động nhân dân tích cực tham gia các loại hình BHYT.

### 10. Văn hóa



Phần đầu 100% thôn, làng đạt tiêu chuẩn thôn, làng văn hóa theo quy định của Bộ Văn hóa - thể thao và Du lịch. Khảo sát vị trí, khoanh vùng, diện tích các khu di tích, lịch sử trên địa bàn nhằm kêu gọi đầu tư các khu di tích như Gò Kho, Xóm Ké, Hòn Ông Bình..., quy hoạch cụm công trình văn hóa Đèo An Khê, trạm dừng đỗ Quốc lộ 19.

Ban hành, bổ sung các quy ước về nếp sống văn hóa nông thôn, tổ chức tuyên truyền vận động để quy ước được thực hiện sâu rộng trong quần chúng nhân dân.

### **11. Quy hoạch cấp nước**

*Mục tiêu:* Đến năm 2020 toàn xã được sử dụng nguồn cấp nước tập trung để sử dụng vào sinh hoạt, các hộ ở các thôn, làng đều được sử dụng nguồn nước từ các công trình cấp nước tập trung hoặc các giếng khoan, giếng đào hợp vệ sinh để sử dụng cho sinh hoạt.

### **12. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường**

*\* Thoát nước bẩn:*

- Sử dụng hệ thống thoát nước chung. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý cục bộ được dẫn chung trong mương thoát nước mưa đặt trong các ngõ, xóm rồi đổ ra kênh tiêu nước nông nghiệp.

- Đối với nước thải sinh hoạt ở các hộ gia đình và công trình công cộng sẽ được xử lý cục bộ bằng các bể tự hoại đúng tiêu chuẩn trước khi cho xả vào hệ thống thoát nước chung. Khuyến khích các hộ gia đình xây bể tự hoại đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Đối với các hộ gia đình chăn nuôi gia súc tập trung sẽ xử lý phân gia súc và nước rửa chuồng trại bằng các bể Biogas.

- Đối với nước thải các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp được xử lý đạt giới hạn B của TCVN 5945-2005 trước khi cho xả vào hệ thống thoát nước chung.

*\* Chất thải rắn:*

- Giai đoạn trước mắt: Các hộ dân tự đốt hoặc chôn lấp tại vườn.

- Giai đoạn từ năm 2018 trở đi: Bố trí 1 điểm chôn lấp hợp vệ sinh CTR cho toàn xã tại phía Bắc của xã quy mô 2 ha.

- Các điểm tập kết CTR sinh hoạt tại các xóm được bố trí trong bán kính không quá 100m, xây dựng 5 bể chứa CTR cho 5 thôn trong xã và bố trí 1 xe thu gom và vận chuyển chất thải rắn từ các điểm tập kết đến điểm tập trung tạm thời.

- Vận động các hộ dân phân loại CTR tại gia đình để tái sử dụng một phần CTR hữu cơ dùng làm phân bón cho cây trồng.

### **13. Nghĩa trang**

Quy hoạch đất làm nghĩa trang lâu dài và tiến hành cắm mốc tại thôn Thượng An 1 đảm bảo khoảng cách tối thiểu, các hộ dân phải chôn cất tập trung tại nghĩa trang theo quy hoạch, có quy chế quản lý nghĩa trang cụ thể. Việc an táng người chết phải được thực hiện phù hợp tín ngưỡng, phong tục tập quán, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh.

### **14. Quốc phòng và an ninh**

Quy hoạch thao trường bắn diện tích 25,0 ha tại thôn An Thượng 3, xã Song An

## **VIII. Quy hoạch khu trung tâm xã:**

### **1. Vị trí , quy mô lập quy hoạch khu trung tâm xã:**

- Vị trí: thôn An Thượng 2.

- Quy mô: 11,8ha.

- Phạm vi lập quy hoạch khu trung tâm xã:
- + Phía Bắc giáp đất sản xuất nông nghiệp.
- + Phía Nam giáp đất sản xuất nông nghiệp.
- + Phía Đông giáp đất khu dân cư.
- + Phía Tây giáp đất khu dân cư

## 2. Quy hoạch không gian khu trung tâm xã:

Hình thành khu trung tâm xã bao gồm những khu chức năng: Đất dân cư, đất công trình công cộng, đất cây xanh, TDTT, đất giao thông và đất dự phòng.

**BẢNG TỔNG HỢP CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT**

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)
1	<b>ĐẤT CÔNG CỘNG</b>	<b>2,69</b>	<b>23</b>
	Trụ Sở UBND xã	0,44	
	Trạm Y Tế	0,14	
	Buru điện	0,10	
	Nhà trẻ	0,30	
	Trường cấp I	1,71	
2	<b>ĐẤT DÂN CƯ</b>	<b>2,19</b>	<b>18,5</b>
3	<b>ĐẤT CÂY XANH</b>	<b>0,76</b>	<b>6,50</b>
	Sân bóng đá	0,56	
	Hoa viên	0,20	
4	<b>ĐẤT DỰ PHÒNG</b>	<b>0,83</b>	<b>7,00</b>
5	<b>ĐẤT GIAO THÔNG</b>	<b>5,33</b>	<b>45,00</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>11,80</b>	<b>100</b>

## 3. Quy hoạch hệ thống giao thông khu trung tâm xã:

- Hệ thống giao thông nội bộ được thiết kế hợp lý để phục vụ việc đi lại cho các phương tiện giao thông đến từng khu quy hoạch một cách dễ dàng, thuận tiện.
- Quy mô mặt cắt được tính toán với mô đun chiều rộng 3,75 m cho một làn xe và phân chia thành các đường chính

## IX. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư :

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ ĐỂ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Nội dung đầu tư	Quy mô đầu tư	Địa điểm XD	Tổng mức đầu tư		
				Tổng số	Trong đó	
					NSNN (TW, tỉnh, huyện xã)	Huy động đóng góp
<b>TỔNG SỐ</b>				<b>11.947,00</b>	<b>11.141,10</b>	<b>805,90</b>
<b>I</b>	<b>GIAO THÔNG</b>			<b>3.877,00</b>	<b>3.453,60</b>	<b>423,40</b>
<b>I.1</b>	<b>Đường thôn xóm, ngõ xóm</b>			<b>900,00</b>	<b>765,00</b>	<b>135,00</b>

1	Đường từ nhà Nguyễn Thanh Hay đi nhà Đặng Ngọc Mai (Đường bên Miếu Xà)	L=0,092km. Bn=4m, Bm=3m BTXM	Thôn Thượng An 2	300,00	255,00	45,00
2	Đường bên trạm xăng dầu Nguyễn Huệ	L=0,1m. Bn=4m, Bm=3m BTXM, nâng cấp nền đường, hệ thống thoát nước	Thôn Thượng An 2	600,00	510,00	90,00
<b>I.2</b>	<b>Đường nội đồng</b>			<b>1.922,00</b>	<b>1.633,60</b>	<b>288,40</b>
1	Đường đi đập Đất Khách (từ ngàm tràn đến trại Lê Minh Chánh)	L=1,5km. Bm=6m cấp phối đất đồi, hệ thống thoát nước	Thôn An Thượng 3	706,00	600	106
2	Đường từ ngã ba đi hồ Hòn Cỏ đến hồ Hòn Cỏ	L=0,935km, BTXM: Bm=3,5m, Bn=6m và cấp phối đất đồi	Thôn Thượng An 2	1.216,00	1.033,50	182,50
<b>I.3</b>	<b>Cầu cống dân sinh</b>			<b>855,00</b>	<b>855,00</b>	
1	Ngàm tràn đường đi Bàu Ấu	Ngàm và đường hai đầu ngàm, L=60m, Bm=5m BTXM	Thôn Thượng An 3	855,00	855,00	
<b>I.4</b>	<b>Sửa chữa các tuyến đường bê tông xi măng, cống rãnh, hệ thống thoát nước trên địa bàn</b>			<b>200,00</b>	<b>200,00</b>	
<b>II</b>	<b>THỦY LỢI</b>			<b>550,00</b>	<b>467,50</b>	<b>82,50</b>
1	Bàu Lớn	Nạo vét lòng bàu, gia cố bờ đập, thay mới hệ thống van xả nước	Thôn An Thượng 2	300,00	255,00	45,00
2	Đập Bụng	Xây dựng mới bờ kè, ngăn đập điều tiết nước	Thôn An Thượng 2	250,00	212,50	37,50
<b>III</b>	<b>TRƯỜNG HỌC</b>			<b>4.300,00</b>	<b>4.300,00</b>	
1	Trường Mẫu giáo Hoa Mai.	02 bộ thiết bị dùng cho trẻ, 05 đầu đĩa, 01 đàn organ, 15 bộ bàn ghế phòng hội đồng	Thôn Thượng An 1	300,00	300,00	
3	Trường THCS Mai Xuân Thượng, hạng mục nhà học bộ môn, thư viện	2 tầng. DTXD 395m <sup>2</sup> . DTSD: 733m <sup>2</sup>	Thôn An Thượng 3	4.000,00	4.000,00	
<b>IV</b>	<b>CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA</b>			<b>2.220,00</b>	<b>1.920,00</b>	<b>300,00</b>

1	Xây dựng khu Trung tâm văn hóa thể thao	Hội trường văn hóa đa năng, khu thể thao, sân thể thao, trang thiết bị bên trong	Thôn An Thượng 3	2.000,00	1.700,00	300,00
2	Nhà rông làng Pốt	DTXD 96m <sup>2</sup> . Khung trụ Bê tông cốt thép, sàn gỗ, vách ván, mái lợp tôn	Làng Pốt	220	220	
<b>V</b>	<b>MÔI TRƯỜNG</b>			<b>1.000,00</b>	<b>1.000,00</b>	<b>0,00</b>
1	Nghĩa trang nhân dân	2ha	Thôn Thượng An 1	1.000,00	1.000,00	

**Điều 2. Trách nhiệm của UBND xã Song An**

1. Tổ chức công bố và công khai quy hoạch cho tổ chức, cá nhân, người dân trong xã biết để thực hiện sau 30 ngày kể từ ngày phê duyệt.

2. Tổ chức quản lý xây dựng theo đúng quy hoạch. Vận động, tuyên truyền trong nhân dân nắm được và hưởng ứng thực hiện quy hoạch, cải tạo chỉnh trang khu dân cư, xây dựng nếp sống văn minh văn hóa để đạt tiêu chí xã nông thôn mới.

3. Hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện dự án đầu tư theo quy hoạch trình UBND thị xã xem xét, quyết định.

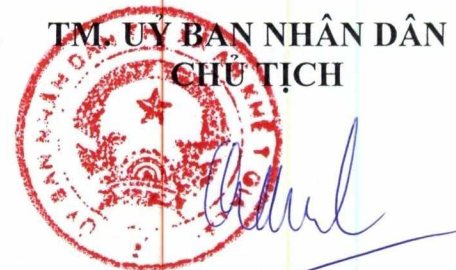
4. Phối hợp với phòng Quản lý đô thị thị xã xây dựng hoàn chỉnh quy định quản lý theo quy hoạch trình UBND thị xã ban hành để làm cơ sở quản lý, cấp phép xây dựng, thực hiện dự án đầu tư.

**Điều 3.** Các ông Chánh Văn phòng HĐND-UBND, Trưởng các phòng: Kinh tế, Tài chính- Kế hoạch, Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường thị xã An Khê, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan; Chủ tịch UBND xã Song An chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /s/

**Nơi nhận :**

- Như điều 3;
- Sở XD, Sở NN&PTNT;
- TT Thị ủy;
- TT HĐND thị xã;
- LĐ UBND thị xã;
- BCĐXDNTM thị xã;
- Lưu: VT. /s/



**Nguyễn Hùng Vỹ**